TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2017
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT – TỈNH LÂM ĐỒNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Báu.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Quang Vinh.

Ông Vương Xuân Tượng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Dương Hạnh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 267/2017/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2017 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Đức L**, sinh năm: 1967.

Đăng ký hộ khẩu: ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Trú tại: ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà **Đặng Thị Kim H,** sinh năm: 1970.

Trú tại: đường S, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(ông L có mặt, bà H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án ông Nguyễn Đức L trình bày:

Ông Nguyễn Đức L với bà Đặng Thị Kim H đã đăng ký kết hôn vào năm 1988 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố Đ, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng ông L và bà H về chung sống tại số nhà 9/10A đường H, Phường B, thành phố Đ. Theo ông L thì vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do làm ăn khó khăn nên ông đã về thành phố Hồ Chí Minh để làm việc, ít khi về nhà nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, khi ông điện thoại về thì bà H

thường có những lời lẽ xúc phạm đến ông nên từ đó ông không về. Vợ chồng ông L cũng đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Sau nhiều năm tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không được, tình cảm vợ chồng không còn nên ông L xin được ly hôn với bà H.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bà Đặng Thị Kim H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông L như ông L trình bày là đúng, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc cho đến năm 2008 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do khi còn chung sống thì ông L thường xuyên đánh đập bà H và các con của mình rất tàn nhẫn cho đến năm 2008 thì ông L nói đi làm ăn nhưng thực tế thì ông L kiếm cớ xuống Bến Tre để chung sống với 01 người phụ nữ khác và đã có con riêng với người phụ nữ đó nên ông L không quan tâm gì đến vợ con của mình mặc dù bà H rất nhiều lần van xin ông L quay về với vợ con nhưng ông L vẫn nhất quyết không về và ông L, bà H đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay bà H xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được nên đồng ý ly hôn với ông L.

- Về con chung: Vợ chồng xác định có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm: 1989 và Nguyễn Đức T, sinh năm: 1992. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng.

- Về tài sản chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà H xác định không có.

- Về nợ chung: Ông L và bà H đều xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án do mâu thuẫn không thể hàn gắn dược, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L đối với bà H. Về con chung hiện nay các con đã trưởng thành nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, yêu cầu khởi kiện có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Xuất phát từ việc vợ chồng mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống nên ông Nguyễn Đức L xin ly hôn với bà Đặng Thị Kim H nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Xin ly hôn"* theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông L bà H có đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 9 năm 1988 tại UBND Phường B, thành phố Đ, hôn nhân tự nguyện. Quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà H thực tế đã xảy ra mâu thuẫn vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Hai bên xác định mâu thuẫn không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do bà H có đơn xin xét

xử vắng mặt nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của ông L xin được ly hôn với bà H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm: 1989 và Nguyễn Đức T, sinh năm: 1992. Xét các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3]Về tài sản chung và nợ chung: Ông L không yêu cầu chia tài sản chung, bà H xác định vợ chồng không có tài sản chung, còn về nợ chung hai bên đương sự xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

- Về án phí: Ông L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đức L về việc *"Xin ly hôn"*. Cho ông Nguyễn Đức L và bà Đặng Thị Kim H được ly hôn.

2- *Về án phí:* Ông Nguyễn Đức L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà ông L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0008400 ngày 22/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bị đơn nhận được bản sao bản án có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lâm Đồng;
-VKSND TP. Đà Lạt;
-Chị cục THADS TP. Đà Lạt;
-UBND Phường B, TP. Đà Lạt;
-Các đương sự;
-Lưu AV-HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Báu